

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH HOÀ BÌNH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 323/2023/NQ-HĐND

Hoà Bình, ngày 08 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với
khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hoà Bình**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HOÀ BÌNH
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ 17

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 159/TTr-UBND ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hoà Bình về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hoà Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu, đơn vị tính phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hoà Bình, cụ thể như sau:

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính (tấn, m ³ khoáng sản nguyên khai)	Mức thu theo Nghị quyết (đồng)	Ghi chú
I	Quặng khoáng sản kim loại			
1	Quặng sắt	Tấn	60.000	
2	Quặng măn-gan (mangan)	Tấn	50.000	
3	Quặng ti-tan (bitan)	Tấn	70.000	
4	Quặng vàng	Tấn	270.000	
5	Quặng đất hiếm	Tấn	60.000	
6	Quặng bạch kim, quặng bạc, quặng thiếc	Tấn	270.000	
7	Quặng von-phờ-ram (wolfram), quặng ăng-ti-moan (antimon)	Tấn	50.000	
8	Quặng chì, quặng kẽm	Tấn	270.000	
9	Quặng nhôm, quặng bô-xit (bauxit)	Tấn	30.000	
10	Quặng đồng, quặng ni-ken (nicken)	Tấn	60.000	
11	Quặng cô-ban (coban), quặng mô-lip-đen (molybden), quặng thủy ngân, quặng ma-nhê (magie), quặng va-na-đi (vanadi)	Tấn	270.000	
12	Quặng crô-mit (cromit)	Tấn	60.000	
13	Quặng khoáng sản kim loại khác	Tấn	30.000	
II	Khoáng sản không kim loại			
1	Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình	m ³	2.000	
2	Đá, sỏi			
2.1	Sỏi	m ³	9.000	✓
2.2	Đá			
2.2.1	Đá block (bao gồm khai thác cả khối lớn đá hoa trắng, granite, gabro, bazan làm ốp lát, mỹ nghệ)	m ³	90.000	
2.2.2	Đá làm vật liệu xây dựng thông thường	m ³	7.500	✓
3	Đá nung vôi, làm xi măng, làm phụ gia xi măng và làm khoáng chất công nghiệp theo quy định của pháp luật khoáng sản (Serpentin, barit, bentonit)	m ³	6.750	✓
4	Đá làm fluorit	m ³	4.500	✓
5	Đá hoa trắng (trừ quy định tại điểm 2.2.1 Mục này)			
5.1	Đá hoa trắng làm ốp lát, mỹ nghệ	m ³	70.000	
5.2	Đá hoa trắng làm bột carbonat	m ³	7.500	✓
6	Đá granit, gabro, bazan làm ốp lát, mỹ nghệ (trừ quy định tại điểm 2.2.1 Mục này)	m ³	70.000	
7	Cát vàng	m ³	7.500	✓

STT	Loại khoáng sản	Đơn vị tính (tấn, m ³ khoáng sản nguyên khai)	Mức thu theo Nghị quyết (đồng)	Ghi chú
8	Cát trắng	m ³	10.500	✓
9	Các loại cát khác	m ³	6.000	✓
10	Đất sét, đất làm gạch, ngói	m ³	3.000	
11	Sét chịu lửa	Tấn	30.000	
12	Đôlômít (dolomit), quắc-zít (quartzit)	m ³	45.000	✓
13	Cao lanh	Tấn	5.800	✓
14	Mi-ca (mica), thạch anh kỹ thuật	Tấn	30.000	
15	Pi-rít (pirite), phốt-pho-rít (phosphorit)	Tấn	30.000	
16	A-pa-tít (apatit)	Tấn	5.000	
17	Séc-păng-tin (secpentin)	Tấn	5.000	
18	Than gồm:	Tấn	10.000	
	-Than an-tra-xít (antraxit) hầm lò			
	-Than an-tra-xít (antraxit) lộ thiên			
	-Than khác			
19	Kim cương, ru-bi, sa-phia (sapphire), E-mô-rôt (emerald), A-lếch-xan-đờ-rít (alexandrite), Ô-pan (opan) quý màu đen, A-dít, Rô-đô-lít (rodolite), Py-rốp (pyrope), Bê-rin (berin), Sờ-pi-nen (spinen), To-paz (topaz), Thạch anh tinh thể màu tím xanh, vàng lục, da cam, Cờ-ri-ô-lít (cryolite), Ô-pan (opan) quý màu trắng, đỏ lửa, Birusa, Nê-phờ-rít (nephrite)	Tấn	70.000	✓
20	Cuội, sạn	m ³	9.000	
21	Đất làm thạch cao	m ³	3.000	
22	Các loại đất khác	m ³	2.000	
23	Talc, diatomit	Tấn	30.000	
24	Graphit, serecit	Tấn	5.000	
25	Phen-sờ-phát (felspat)	Tấn	4.600	✓
26	Nước khoáng thiên nhiên	m ³	3.000	
27	Các khoáng sản không kim loại khác	Tấn	30.000	

Điều 2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hoà Bình quy định cụ thể mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Hoà Bình.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hoà Bình Khoá XVII, Kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 12 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ QH;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, TN&MT;
- Vụ Pháp chế Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND;
- UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- LĐ các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- LĐVP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- TT Tin học và Công báo VPUBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Hoà Bình;
- LĐ và CV các phòng chuyên môn;
- Lưu: VT, CTHĐND (Hg).

CHỦ TỊCH



Bùi Đức Hình